TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI HẬU
TỈNH NAM ĐỊNH

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-01-2022
V/v Ly hôn, nuôi con chung giữa chị H và anh H1"

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Lưu Văn Đê.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Sinh - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Hải H1.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2021 về ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Xóm TPh, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1991;

Địa chỉ: Xóm TPh, xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định.

(Chị H xin vắng mặt, anh H1 vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 09 tháng 8 năm 2021 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 đăng ký kết hôn ngày 06-10-2017 tại UBND xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng bố mẹ anh H1 ở xã HX. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong thời gian vợ chồng đi làm ăn, anh H1 thường xuyên

chơi bời, bài bạc không lo làm ăn, khi chị H về quê để sinh con, anh H1 cũng không quan tâm, không gửi tiền về để chị H nuôi con. Khi con được 5 tháng chị H có đưa con vào trong Nam để làm cùng anh H1 nhưng chị H lại phải lo trả nợ cho anh H1 dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng. Từ tháng 5 năm 2020 chị H lại đưa con về quê và sống ly thân với anh H1 từ đó tới nay. Do thời gian sống ly thân đã lâu và không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống với anh H1 nên chị H xin được ly hôn anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 05-10-2018, hiện con đang ở với chị H. Khi ly hôn chị H nhận tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung của vợ chồng: Do vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai vay nợ hoặc không vay nợ của ai tài sản gì nên chị H không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hải H1 đã triệu tập anh H1 đến nhận Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn khác theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh H1 không có mặt. Bà Vũ Thị Thâm là mẹ đẻ anh H1 đã thay và cam kết giao, thông báo cho anh H1 biết. Tại văn bản ghi ý kiến của mình gửi Tòa án, anh H1 xác nhận có thời gian đăng ký kết hôn, chung sống chung như chị H đã trình bày. Trong thời gian buôn bán trong Biên Hòa, Đồng Nai anh H1 có giao lưu, và chơi bài với bạn hàng nhưng số tiền không lớn, không ảnh hưởng nhiều đến kinh tế gia đình. Khi chị H về quê dưỡng thai và sinh con, anh H1 có về phục vụ, chăm sóc chị H và chị trả viện phí. Sau khi chị H sinh con được một tháng, anh H1 mới đi làm lại, trong thời gian đi làm anh H1 vẫn gọi điện và gửi tiền về cho chị H nuôi con. Chị H xin ly hôn, anh H1 không nhất trí và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt, anh Nguyễn Văn H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt chị H và anh H1 theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại UBND xã HX, huyện HH, tỉnh Nam Định ngày 06-10-2017. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệc.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, chị H đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở, hai người đã sống ly thân từ đó tới nay. Do xét thấy không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống nên chị H xin ly hôn với anh H1.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh H1 và ý kiến đề nghị Tòa án hòa giải của anh H1, qua xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, từ tháng 5 năm 2020, chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở và sống ly thân nhưng từ đó đến nay, cả chị H và anh H1 đều không có biện pháp, hành động nhằm hàn gắn tình cảm và mong muốn cuộc sống chung của hai người tiếp tục tồn tại. Trong văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án, anh H1 không nhất trí ly hôn và đề nghị hòa giải nhưng anh H1 vẫn vắng mặt không đến Tòa để làm việc. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần phân tích, động viên chị H rút đơn về đoàn tụ nhưng chị H vẫn giữ ý kiến xin ly hôn và đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị H và anh H1 đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Khi ly hôn chị H nhận nuôi con chung là cháu Nguyễn Đức Th và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay cháu Th còn rất nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ và cũng đang ở với chị H; anh H1 cũng không có ý kiến trực tiếp về việc nuôi con sau khi ly hôn nên cần chấp nhận đề nghị của chị H, giao con chung là cháu Nguyễn Đức Th cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị H trình bày vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ về tài sản chung nê không đề nghị Toà án giải quyết, anh Nguyễn Văn H1 cũng không có ý kiến về tài sản cũng như nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn H1.

2. Về nuôi con chung: Giao chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Đức Th, sinh ngày 05-10-2018 đến tuổi thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản riêng để tự nuôi mình. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây anh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0005973 ngày 14-10-2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hải H1; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Cấp cho đương sự: (2 bản);
- TAND tỉnh Nam Định: (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện: (2 bản);
- Chi cục THADS huyện: (1 bản);
- UBND xã HX: (1 bản);
- Lưu hồ sơ: (1 bản);
- Lưu văn phòng: (1 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Vũ Văn Ái